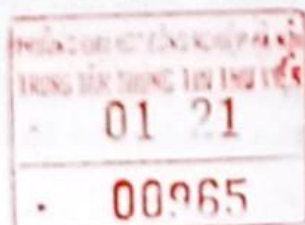


Hương tới
kỷ niệm **100** năm

**NGÀY BÁC HỒ RA ĐI
TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC**

Từ Bến
Nhà Rồng
đến
**Quảng trường
Ba Đình**

TÙ BẾN NHÀ RỒNG ĐẾN QUẢNG TRƯỜNG BA DÌNH



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2009

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 5/6/1911, Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu hành trình ra đi tìm đường cứu nước trên con tàu Amiral La Touche De Tréville từ bến cảng Nhà Rồng với công việc trên tàu là phụ bếp. Hành trình của Người bắt đầu từ Sài Gòn sang Pháp, từ Pháp sang Anh và sau đó là một vòng qua châu Phi, qua Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Tuynidi, Đông Phi, Công Gô, rồi sang Mỹ trong vòng sáu năm. Đến năm 1917, Người trở lại đất Pháp và dừng lại ở đây sáu năm. Tháng 6 năm 1923, Người rời Pari sang Matxcova, sau đó trở về nước tham gia thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, và tổ chức các phong trào cách mạng. Năm 1941, sau ba mươi năm bôn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc để bốn năm sau đó - Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Người đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Người đã hoàn thành một sứ mệnh lịch sử cao cả là đem lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Để làm được điều đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện công việc của một nhà cách mạng, một danh nhân văn hóa, một anh hùng giải phóng dân tộc. Đồng thời trong quá trình hoạt động cách mạng, Người còn nhận thức được sức mạnh của văn hóa - văn nghệ và sử dụng rất có hiệu quả sức mạnh ấy trong sự nghiệp cứu nước. Không có ý định đeo đuổi sự nghiệp văn chương nhưng Người đã trở thành một nhà văn, nhà thơ, nhà chính luận xuất sắc của dân tộc.

Hương tới kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, Nhà xuất bản Lao động trân trọng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách: **Từ bến Nhà Rồng đến Quảng trường Ba Đình**. Cuốn sách mong muốn dựng lại chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hành trình tìm đường cứu nước cho đến ngày giành lại độc lập tự do cho dân tộc qua những trước tác, tác phẩm chính luận, tác phẩm truyền ký và những bài thơ tiêu biểu của Người trong suốt chặng đường bôn ba. Hy vọng rằng cuốn sách sẽ giúp bạn đọc có thêm những hiểu biết về cuộc đời Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Và cũng hy vọng **Từ bến Nhà Rồng đến Quảng trường Ba Đình** sẽ góp phần làm phong phú thêm cho tủ sách: **Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**.

Cuốn sách gồm ba phần: Phần thứ nhất: Tiểu sử - Biên niên tiểu sử của Hồ Chí Minh; Phần thứ hai: Các bài báo - Trước tác - Chính luận - Văn học của Hồ Chí Minh; Phần thứ ba: Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 11 năm 2009
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

TÓM TẮT TIỂU SỬ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890, ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An).

Ông là thành viên của Đảng Cộng sản Việt Nam, là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, là người lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam, là người sáng lập ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là người lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam.

Phần thứ nhất

TIỂU SỬ - BIÊN NIÊN TIỂU SỬ CỦA HỒ CHÍ MINH

Ông sinh ra trong một gia đình nông dân. Ông có một tuổi thơ bình dị, nhưng lại rất vất vả và gian nan. Ông đã trải qua nhiều khó khăn, thử thách, nhưng ông luôn vượt qua tất cả, để trở thành một người lãnh đạo vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Ông đã tham gia vào các hoạt động cách mạng từ rất sớm. Ông đã tham gia vào các tổ chức cách mạng, và đã tham gia vào các cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam.

Ông đã tham gia vào các hoạt động cách mạng từ rất sớm. Ông đã tham gia vào các tổ chức cách mạng, và đã tham gia vào các cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam. Ông đã tham gia vào các hoạt động cách mạng từ rất sớm. Ông đã tham gia vào các tổ chức cách mạng, và đã tham gia vào các cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam. Ông đã tham gia vào các hoạt động cách mạng từ rất sớm. Ông đã tham gia vào các tổ chức cách mạng, và đã tham gia vào các cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam.

Ông đã tham gia vào các hoạt động cách mạng từ rất sớm. Ông đã tham gia vào các tổ chức cách mạng, và đã tham gia vào các cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam. Ông đã tham gia vào các hoạt động cách mạng từ rất sớm. Ông đã tham gia vào các tổ chức cách mạng, và đã tham gia vào các cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam.

Ông đã tham gia vào các hoạt động cách mạng từ rất sớm. Ông đã tham gia vào các tổ chức cách mạng, và đã tham gia vào các cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam. Ông đã tham gia vào các hoạt động cách mạng từ rất sớm. Ông đã tham gia vào các tổ chức cách mạng, và đã tham gia vào các cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam.

TÓM TẮT TIỂU SỬ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 tại làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trong một gia đình nhà nho yêu nước.

Cha là Nguyễn Sinh Huy tức Nguyễn Sinh Sắc, sinh năm 1862 tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Nguyễn Sinh Huy mồ côi cha mẹ từ nhỏ, nhưng đã sớm có ý chí tự lập, thông minh, ham học. Năm 1901, ông thi Hội và đã đỗ phó bảng, tuy đỗ cao nhưng vẫn sống rất thanh bạch, khiêm tốn, ghét thói xu nịnh, cam phận của các quan lại trong triều đình Huế. Ông chỉ làm quan trong một thời gian ngắn và sau đó sống bằng nghề dạy học, bắt mạch bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Tư tưởng yêu nước tiến bộ và nhân cách cao thượng của ông đã ảnh hưởng sâu sắc đến các con. Ông qua đời ở thị xã Cao Lãnh (Đồng Tháp) vào năm 1929, thọ 67 tuổi.

Mẹ là Hoàng Thị Loan, sinh năm 1868 trong một gia đình nhà học. Bà là một phụ nữ thông minh, hiền hậu đảm đang, sống nghề làm ruộng, dệt vải và chăm lo dạy dỗ các con. Bà qua đời tại Huế năm 1901, lúc 33 tuổi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có người chị là Nguyễn Thị Thanh, tức Bà Liên (1884 - 1954) và anh là Nguyễn Sinh Khiêm, tức Nguyệt Tất Đạt (1888 - 1950); đều tham gia phong trào chống thực dân Pháp.

Là con thứ ba trong gia đình, lúc còn nhỏ, Người tên là Nguyễn Sinh Cung, khi đi học đổi tên là Nguyễn Tất Thành, Người là một học trò thông minh, chăm chỉ học tập và ham tìm hiểu những điều mới lạ. Ngoài những sách phải học, Người còn ham đọc truyện và thơ ca yêu nước. Những chuyện anh hùng, liệt sĩ ở địa phương, những buổi đàm luận về thời cuộc giữa Phó bảng và những nhà yêu nước khác mà Người được nghe, đã sớm giáo dục cho Người tinh thần yêu nước thương nòi. Năm 15 tuổi, Người đã tham gia công tác bí mật, làm liên lạc cho một số nhà nho yêu nước lúc bấy giờ. Mặc dù rất coi trọng các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu, Phan Chu Trinh, nhưng Người không đi theo con đường của các bậc tiền bối không theo phái Đông Du sang Nhật, mà hướng tới các nước phương Tây, nơi có tư tưởng tự do, dân chủ và khoa học kỹ thuật hiện đại hấp dẫn.

Vào khoảng mùa hè năm 1908, rời Huế vào miền Nam để tìm cách ra nước ngoài, trên đường, Người dừng lại ở Phan Thiết, dạy học trong một thời gian ngắn ở trường Dục Thanh, một trường tư do một số văn thân yêu nước lập ra. Trong những ngày dạy học tại đây, Người không chỉ truyền thụ cho học sinh những kiến thức văn hóa mà còn chú ý giáo dục cho họ tinh thần yêu nước, thương nòi.

Ít lâu sau, Người vào Sài Gòn. Nam Kỳ dưới chế độ thuộc địa cũng chẳng khác gì Trung Kỳ dưới chế độ "Bảo hộ" và Bắc Kỳ dưới chế độ "nửa bảo hộ". Ở đâu nhân dân ta cũng bị áp bức, bóc lột, đồng bào ta cũng bị dọa dẫm, khổ nhục. Điều đó càng thôi thúc Người đi sang các nước phương Tây để xem nhân dân các nước ấy làm như thế nào mà trở nên độc lập, hùng cường, rồi sẽ trở về "giúp đỡ đồng bào đánh đuổi

thực dân Pháp". Ý định ấy đã dẫn Người tìm bước đi tìm phương hướng mới cho sự nghiệp cứu nước của nhân dân ta.

Sau một thời gian ngắn ở Sài Gòn, ngày 5 tháng 6 năm 1911, với bí danh Văn Ba phụ bếp dưới tàu buôn Đô Đốc Amiral Latouche Tréville của hãng Charguirns Réunies, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước. Người đã đi, đi rất nhiều, trước hết là sang Pháp, nhưng không dừng lại ở nước Pháp, mà còn đi qua nhiều nước khác ở Châu Âu, châu Phi và châu Mỹ như: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Xênegan, Anh, Mỹ... Với lòng yêu nước nồng nàn và căm thù sâu sắc bọn thực dân cướp nước cùng bề lũ tay sai bán nước, lòng kiên trì chịu đựng mọi gian khổ, đến bất cứ đâu Người đều chú ý xem xét tình hình và suy nghĩ về những điều mắt thấy tai nghe, mong sao thực hiện được hoài bão cao cả của mình.

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp để có điều kiện trực tiếp hoạt động trong phong trào Việt Kiều và phong trào công nhân Pháp. Cũng lúc đó, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga bùng nổ đã làm chấn động cả thế giới như tiếng sấm mùa xuân. Cách mạng tháng Mười đã thực tiễn giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới vùng dậy đấu tranh. Nó đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người, kỷ nguyên tan rã của chủ nghĩa tư bản, kỷ nguyên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Cách mạng tháng Mười Nga có ảnh hưởng quyết định đối với cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phấn khởi và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, Người quyết tâm đi theo con đường của cách mạng tháng Mười Nga.

Cuối năm 1918, Người gia nhập Đảng xã hội Pháp - chính Đảng lớn nhất lúc bấy giờ ở Pháp.

Tháng 11 năm 1918, chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc. Năm 1919, các nước đế quốc thắng trận họp Hội nghị Versailles nhằm chia lại thị trường thế giới. Nhân dịp này, thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp Nguyễn Ai Quốc, đã gửi đến Hội nghị Versailles "Bản yêu sách của nhân dân An Nam", đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam.

Tháng 7 năm 1920, qua báo Nhân đạo (L'Humanité) của Pháp, "*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*" của Lênin đến với Người. Từ bản luận cương của Lênin, Người đã tìm thấy phương hướng và đường lối cơ bản của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, trong đó có cách mạng Việt Nam.

Đại hội lần thứ XVIII của Đảng xã hội Pháp họp từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 12 năm 1920 tại thành phố Tours, Nguyễn Ai Quốc là đại biểu duy nhất của nhân dân Đông Dương tham dự. Người đã đọc tham luận tố cáo những tội ác tày trời của thực dân Pháp ở Đông Dương, kêu gọi giai cấp công nhân và những người cách mạng chân chính Pháp cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam và các thuộc địa khác. Cũng tại Đại hội lịch sử này, cùng với những người cách mạng chân chính của nước Pháp, Nguyễn Ai Quốc đã đứng hẳn về Quốc tế thứ ba, bỏ phiếu gia nhập Quốc tế cộng sản, và Người trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời cũng là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đó là sự kiện chính trị vô cùng quan trọng

đánh dấu một bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Người. Từ đó, Người đã tìm được con đường cách mạng đúng đắn cho nhân dân Việt Nam, con đường kết hợp đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, kết hợp đấu tranh dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp tư tưởng yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả.

Dưới ánh sáng Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của Lênin, qua yêu cầu thực tế của công tác cách mạng, từ sau khi trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy cần phải xúc tiến công tác tuyên truyền và tổ chức mới có thể thúc đẩy được phong trào cách mạng các nước thuộc địa, trong đó có cách mạng Việt Nam.

Tháng 7 năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng với một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp thành lập Hội liên hiệp thuộc địa nhằm tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng giải phóng dân tộc. Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền và vận động cách mạng ở các nước thuộc địa, năm 1922, Hội liên hiệp thuộc địa cho xuất bản tờ báo *Lé Paria* (Người cùng khổ). Việc xuất bản báo "Người cùng khổ" là "một luồng gió mới thổi đến nhân dân các nước bị áp bức". Đặc biệt trong thời gian này, Người đã viết tác phẩm nổi tiếng "Bản án chế độ thực dân Pháp". Một số phần trong tác phẩm đã được đăng trên báo "Người cùng khổ" từ năm 1922 đến năm 1924, tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" không chỉ dừng lại ở việc tố cáo tội ác của chủ nghĩa đế quốc, mà điều quan trọng là đã nêu lên những luận điểm cơ bản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

Đầu năm 1923, Nguyễn Ái Quốc chủ trương xuất bản báo "Việt Nam hôn", viết bằng tiếng Việt, để giác ngộ lòng yêu nước, ý thức cách mạng cho Việt kiều đang sống ở Pháp và gửi về kêu gọi đồng bào nổi dậy đấu tranh đánh đổ đế quốc Pháp, giành độc lập, tự do.

Tháng 6 năm 1923, được sự giúp đỡ tích cực của Đảng Cộng sản Pháp và những người công nhân Pháp, Đức, Nguyễn Ái Quốc đã rời nước Pháp sang Liên Xô, chuẩn bị dự Đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản.

Nguyễn Ái Quốc không chỉ quan tâm nghiên cứu phong trào công nhân mà còn quan tâm nghiên cứu và tổ chức hoạt động trong phong trào nông dân. Với tư cách là đại biểu của nông dân các nước thuộc địa, Người đã tham dự Đại hội Quốc tế nông dân họp từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 10 năm 1923 tại Matxcova. Đây là Đại hội đầu tiên để thành lập một tổ chức quốc tế thống nhất của nông dân các nước thuộc địa. Đại hội đã thông qua Điều lệ, Lời kêu gọi, nhiều nghị quyết quan trọng khác và bầu Ban chấp hành quốc tế nông dân gồm 10 ủy viên, trong đó Nguyễn Ái Quốc được bầu làm ủy viên Đoàn chủ tịch.

Tại Đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản họp từ ngày 17-6 đến ngày 8-7 năm 1924 tại Matxcova, Nguyễn Ái Quốc tham dự với tư cách là đại biểu tư vấn. Tại Đại hội, Người đã trình bày lập trường, quan điểm của mình về cách mạng thuộc địa và đã được Đại hội hoan nghênh. Một số Đảng Cộng sản ở các nước Tây Âu. Nhất là Đảng Cộng sản Pháp đã quan tâm hơn trước đến phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

Là ngôi sao sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu vạch ra những vấn đề cơ bản thuộc về chiến lược, sách lược và phương pháp của

cách mạng Việt Nam. Đó là bước chuẩn bị rất quan trọng về chính trị và tư tưởng để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước của nhân dân ta phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi sự lãnh đạo đúng đắn của một đảng chân chính của giai cấp công nhân Việt Nam. Trước tình hình đó, sau một thời gian ở lại Liên Xô để nghiên cứu chế độ Xô viết và kinh nghiệm xây dựng Đảng theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã về gần Việt Nam để xúc tiến việc chuẩn bị thành lập Đảng. Ngày 11 tháng 11 năm 1924, Người về đến Quảng Châu (Trung Quốc).

Người đã chọn một số thanh niên yêu nước ở Quảng Châu và một số thanh niên khác ở trong nước ra mở trường huấn luyện chính trị, để đào tạo họ trở thành những cán bộ cách mạng, đưa họ trở về nước hoạt động trong phong trào công nhân và nông dân. Nguyễn Ái Quốc đã cùng một số đồng chí trực tiếp giảng bài cho các lớp huấn luyện. Những bài giảng của Người được tập hợp in thành sách mang tên "Đường Kách mệnh" xuất bản năm 1927.

Để làm cơ sở cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 6 năm 1925, tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, tổ chức tiền thân của Đảng. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên là một tổ chức rất chặt chẽ, gần như một Đảng Cộng sản, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, dùng tự phê bình và phê bình để xây dựng Hội. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đã đóng vai trò lịch sử cực kỳ quan trọng trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng.

Để tuyên truyền tôn chỉ và mục đích của Hội, Nguyễn Ái Quốc đã xuất bản tuần báo *Thanh niên*. Đây là một vũ khí sắc bén trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào giai cấp công nhân và nhân dân ta. Cùng với tác phẩm "*Bản án chế độ thực dân Pháp*", cuốn "*Đường Kách mệnh*", báo "*Người cùng khổ*" và một số văn kiện khác, báo *Thanh niên* đã góp phần quan trọng vào việc xúc tiến chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 5 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu đi Matxcova, sau đó đi Berlin tham dự Hội nghị Ban chấp hành mở rộng của Liên đoàn chống chiến tranh đế quốc tại Bruccen (Bỉ), đi Ý và trở về Xiêm (Thái Lan) vào mùa thu năm 1928.

Trong những năm 1928 - 1929, phong trào cách mạng ở nước ta dâng lên mạnh mẽ. Cuối năm 1929, đầu năm 1930, ba tổ chức cộng sản đã liên tiếp ra đời là: An Nam cộng sản Đảng, Đông Dương cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn. Sự kiện đó chứng tỏ việc thành lập Đảng Cộng sản là một tất yếu của sự phát triển phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam. Cuối mùa thu năm 1929, đang hoạt động ở Thái Lan, được sự ủy nhiệm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc trở lại Hồng Kông triệu tập Hội nghị đại biểu các tổ chức cộng sản để thống nhất tổ chức, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Dưới sự chủ tọa của Người, Hội nghị đã họp từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 2 năm 1930 tại Cửu Long (Hồng Kông). Sau 5 ngày làm việc khẩn trương trong hoàn cảnh bí mật, Hội nghị đã quyết định thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập một Đảng Cộng sản chân chính duy nhất ở Việt Nam lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử, do những điều kiện trong nước và thế giới lúc ấy quyết định, đồng thời là kết quả rục rờ của cả một

quá trình hoạt động sôi nổi của Nguyễn Ai Quốc, Người đã đấu tranh kiên cường trong phong trào công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, kiên trì học tập, tìm tòi nghiên cứu và rèn luyện. Đó là kết quả to lớn của gần 10 năm chuẩn bị rất công phu và đầy đủ của Người về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ai Quốc đến Hà Nội vào tháng 3 và đến Mã Lai vào tháng 4 năm 1930 để làm nhiệm vụ quốc tế. Ngày 1 tháng 5 năm 1930 Người qua Xingapo rồi trở lại Hồng Kông để theo dõi việc thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam và cùng với Trung ương Đảng chỉ đạo cách mạng trong nước. Tháng 10 năm 1930 Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và thông qua *"Luận cương cách mạng tư sản dân quyền"*, bầu Ban Chấp hành trung ương chính thức và cử đồng chí Trần Phú làm Tổng bí thư của Đảng. Ở trong nước, lúc này phong trào cách mạng đang dấy lên mạnh mẽ mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931); đây là cuộc tổng diễn tập đấu tiên do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Hoàng sơ trước cao trào cách mạng 1930 - 1931 và ảnh hưởng của Nguyễn Ai Quốc đối với các nước ở Đông Nam Châu Á, ngày 6 tháng 6 năm 1931, đế quốc Anh đã bắt giam Người (lúc ấy lấy tên là Tống Văn Sơ) một cách trái phép tại Hồng Kông. Được tin Người bị bắt, Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc, ủng hộ nền độc lập dân tộc đã kịp thời ra tuyên bố phản đối chính phủ Anh và đòi trả lại tự do cho Người. Do tinh thần kiên định cùng với sự can thiệp của Quốc tế cộng sản và luật sư P. Loseby vì kính phục Người đã hết lòng giúp đỡ, tòa án Hồng Kông và Hội đồng nhà vua Anh buộc phải tuyên bố xóa án. Mùa xuân 1933, Người ra khỏi nhà lao của đế quốc Anh. Đầu năm 1934, Người trở lại Liên Xô. Tại đây, Người vào học trường Đại học Lenin, nghiên cứu ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đồng thời tiếp tục theo dõi, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước trong tình hình chủ nghĩa phát xít đã công khai đàn áp mọi phong trào dân chủ và hòa bình.

Tháng 10 năm 1938, Nguyễn Ai Quốc rời Liên Xô về Trung Quốc. Cuối năm 1940, Người về sát biên giới Việt - Trung, bắt liên lạc với tổ chức Đảng. Người đã mở lớp huấn luyện chính trị để chuẩn bị cán bộ đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới.

Người 28 tháng 1 năm 1941, Nguyễn Ai Quốc về nước, Người chọn Cao Bằng làm căn cứ địa xây dựng tổ chức, phát động phong trào cách mạng. Vùng Khuổi Nậm Pác Bó là nơi họp Hội nghị lần thứ VIII của Trung ương (tháng 5 năm 1941) do Nguyễn Ai Quốc chủ trì, nơi ra báo *"Việt Nam độc lập"*, mở các lớp huấn luyện xây dựng lực lượng cách mạng.

Tháng 8 năm 1942, lấy tên là Hồ Chí Minh, Người sang Trung Quốc để liên lạc với các lực lượng cách mạng của người Việt Nam tại đây. Ngày 29 tháng 8 năm 1942 Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam, sau đó bị giải qua gần 30 nhà lao của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian ở tù, Hồ Chí Minh đã viết tập thơ *"Ngục trung nhật ký"* (*Nhật ký trong tù*) bằng chữ Hán. *"Nhật ký trong tù"* không những là một văn kiện lịch sử vô giá mà còn là một tác phẩm văn học lớn. Tập thơ có tác dụng giáo dục sâu sắc cho toàn Đảng và toàn dân ta về phẩm chất đạo đức cách mạng.

Tháng 9 năm 1943, sau khi ra khỏi nhà tù, Người tiếp tục liên hệ với các tổ chức chống Nhật, chống Pháp của người Việt Nam ở Liễu Châu, đồng thời, nối lại

liên lạc với Đảng ta để trở về nước tiếp xúc lãnh đạo phong trào. Tháng 9 năm 1944, Hồ Chí Minh trở lại Cao Bằng. Tháng 12 năm 1944, Người quyết định thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, phát xít Nhật đảo chính hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương. Cuộc chiến tranh thế giới thứ II cũng bước vào giai đoạn cuối với những thắng lợi của Liên Xô và các nước đồng minh. Ngày 4 tháng 5 năm 1945, Hồ Chí Minh rời Cao Bằng về Tân Trào (Tuyên Quang) để trực tiếp chỉ đạo phong trào trong cả nước. Ở Đông Dương, quân Nhật hoang mang dao động đến cực điểm. Chớp thời cơ ấy, ngày 12 tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Ban thường vụ Trung ương Đảng quyết định Tổng khởi nghĩa vũ trang trong cả nước. Dưới ngọn cờ cứu nước của Việt Minh, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta từ Bắc chí Nam, từ miền xuôi đến miền ngược, triệu người như một, nhất tề vùng lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ngày 19 tháng 8 khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội, ngày 23 tháng 8 thắng lợi ở Huế, ngày 25 tháng 8 thắng lợi ở Sài Gòn.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trong cuộc mít tinh của hơn 50 vạn đồng bào, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập lịch sử, tuyên bố nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, thủ tiêu hoàn toàn chính quyền thực dân, phong kiến, khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam trước nhân dân ta và nhân dân thế giới.

Sau khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn dân đấu tranh xây dựng, củng cố và giữ vững chính quyền non trẻ. Ngay trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời ngày 3 tháng 9 năm 1945, Người đề ra những nhiệm vụ cấp bách lúc đó là động viên toàn dân chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu lúc này là giữ vững chính quyền cách mạng, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức được tiến hành kịp thời. Ngày 6 tháng 1 năm 1946, bất chấp mọi hành động phá hoại của thực dân Pháp và bọn phản động, cuộc Tổng tuyển cử tiến hành thắng lợi trong cả nước. Ngày 2 tháng 3 năm 1946, Quốc hội khóa I kỳ họp đầu tiên đã bầu Người làm Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Trước tình hình thực dân Pháp phản bội những hiệp định đã ký kết với Chính phủ ta, rắp tâm mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng quyết tâm phát động cuộc kháng chiến trên phạm vi cả nước. Đêm 19 tháng 12 năm 1946 toàn quốc kháng chiến bắt đầu. Sáng ngày 20 tháng 12 năm 1946, qua đài phát thanh tiếng nói Việt Nam *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"* của Người đã vang khắp núi sông đất nước, và trong suốt những năm kháng chiến, Hồ Chủ tịch đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính từng bước giành thắng lợi và tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Tháng 2 năm 1951, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng khai mạc tại chiến khu Việt Bắc (Chiêm Hóa, Tuyên Quang), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *"Đại hội ta là đại hội kháng chiến. Nhiệm vụ chính của đại hội ta là đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam"*.

Ngày 6 tháng 12 năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Người đã chỉ thị cho Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp: *"Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà còn đối với quốc tế. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng, phải tập trung hoàn thành cho bằng được"*. Thực hiện lời dạy của Người, đến ngày 7 tháng 5 năm 1954 chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi. Và ngày 20 tháng 7 năm 1954 tại Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương Chính phủ Pháp phải ký kết đình chiến trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia.

Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đánh dấu một bước thắng lợi của các lực lượng cách mạng ở Đông Dương, đồng thời là một đóng góp quan trọng mở đầu sự tan rã hoàn toàn của hệ thống thuộc địa của Đế quốc Pháp và báo hiệu quá trình sụp đổ không thể đảo ngược được của chủ nghĩa thực dân cũ, của chủ nghĩa đế quốc thế giới. Và *"Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh"* đã trở thành khẩu hiệu chiến đấu của các dân tộc bị áp bức, được nhân dân thế giới nhắc đến với niềm cảm phục và tự hào.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Hòa bình được lập lại ở Đông Dương. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, miền Nam bị đế quốc Mỹ xâm lược bị biến thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.

Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc.

Trở lại Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn cách mạng mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ nhiệm vụ của nhân dân Việt Nam là thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, củng cố hòa bình, đấu tranh để thực hiện thống nhất đất nước bằng Tổng tuyển cử tự do, củng cố miền Bắc về mọi mặt, mở rộng và củng cố mặt trận dân tộc thống nhất trong cả nước, đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng.

Đặc biệt, Người luôn dành tình cảm sâu đậm với miền Nam, quan tâm theo dõi và cổ vũ từng bước tiến của cách mạng miền Nam.

Tháng 9 năm 1960, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *"Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà"*. Đại hội đã bầu lại Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III, miền Bắc bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Cùng với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên toàn Đảng, toàn dân ta vừa xây dựng, phát triển kinh tế, giữ gìn và phát triển nền văn hóa dân tộc, vừa chăm lo đến đời sống hàng ngày của nhân dân. Người cổ vũ nhân dân miền Nam ruột thịt đang chiến

dấu anh dũng để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến việc xây dựng con người mới.

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao nhiệm vụ miền Bắc phải là nền tảng, là niềm tin đối với đồng bào miền Nam. Năm 1962, khi tiếp đoàn đại biểu miền Nam ra thăm miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *"Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn luôn ở trong trái tim tôi"*. Người mong muốn miền Nam sớm được giải phóng để vào thăm đồng bào, cán bộ và chiến sĩ thân yêu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng tình đoàn kết giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với nhân dân Việt Nam và luôn gắn cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoàn bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tháng 11 năm 1964, Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam đã được tổ chức tại Hà Nội với sự tham dự của 64 đoàn đại biểu của 52 nước và tổ chức quốc tế là sự cổ vũ to lớn đối với cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam.

Giữa lúc nhân dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc đang giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu lâm bệnh. Và vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 2 tháng 9 năm 1969, trái tim của Người đã ngừng đập, để lại nỗi tiếc thương vô hạn cho toàn thể nhân dân và bạn bè quốc tế.

Vĩnh biệt chúng ta, Bác Hồ đã để lại cho Đảng ta, cho đồng bào và chiến sĩ hai miền Nam - Bắc bản Di chúc lịch sử. Đó là những lời căn dặn cuối cùng của Bác, là những tình cảm và niềm tin của Bác đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau.

BIÊN NIÊN TIỂU SỬ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

(Thu gọn)

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890, với tên gọi là Nguyễn Sinh Cung, ở làng Hoàng Trù, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Thân phụ của Người là Nguyễn Sinh Sắc tức Nguyễn Sinh Huy (1862) và thân mẫu là Hoàng Thị Loan (1868), Nguyễn Sinh Cung là con thứ ba của gia đình: Chị là Nguyễn Thị Thanh, còn có tên là Nguyễn Thị Bạch Liên (1884). Anh là Nguyễn Sinh Khiêm, còn có tên là Nguyễn Tất Đạt (1888).

Năm 1898, Nguyễn Sinh Cung theo lớp học chữ Hán tại làng Dương Nỗ, xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên do cha là ông Nguyễn Sinh Sắc dạy.

Bà Hoàng Thị Loan, thân mẫu qua đời tại Huế.

Từ năm 1901 đến 1905, Nguyễn Tất Thành (tên mới của Nguyễn Sinh Cung) đã được học chữ Hán với các thầy đồ nổi tiếng hay chữ và giàu lòng yêu nước ở vùng Nghệ Tĩnh.

Tháng 9 năm 1905, Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Tất Đạt theo học lớp dự bị (préparatoire) trường tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh ở đây, lần đầu tiên Nguyễn Tất Thành tiếp xúc với khẩu hiệu: Tự do, Bình đẳng, Bác ái.

Tháng 5 năm 1906, Nguyễn Tất Thành cùng anh theo cha vào Huế nhân dịp ông Nguyễn Sinh Huy vào Kinh đô nhận chức Thừa biện Bộ Lễ.

Tháng 9 năm 1907, Nguyễn Tất Thành vào học lớp trung đẳng (moyen) tại Quốc học Huế.

Tháng 5 năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên và đã bị thực dân Pháp theo dõi. Ông Nguyễn Sinh Sắc đã bị chúng khiển trách vì "đã để cho con trai có những hoạt động chống Pháp".

Tháng 9 năm 1909, Nguyễn Tất Thành theo học chữ Pháp với thầy Phạm Ngọc Thọ (thân sinh cố Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch) ở Quy Nhơn.

Năm 1910, trên đường từ Quy Nhơn đi Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã đến dạy học tại trường Dục Thanh (từ tháng 9-1910 đến tháng 2-1911).

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành từ cảng Nhà rồng, thành phố Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh) rời Tổ quốc sang Pháp, với tên Văn Ba. Con tàu Tréville mà anh Văn Ba làm việc đã ghé qua cảng của Xingapo, Ceylan, Ai Cập và cập bến Mác Xây ngày 6-7-1911.

Ngày 15 tháng 9 năm 1911, Nguyễn Tất Thành làm đơn gửi Tổng thống Pháp xin vào học trường thuộc địa (Ecole Coloniale).

